UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MN HOA SEN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 473 /MNHS2

Bình Chánh, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Về các khoản thu chi học phí và thu khác quý 3/2024

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện Bình Chánh

Căn cứ Công văn số 1331/TCKH ngày 5/7/2017 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh về báo cáo định kỳ việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước;

Trường Mầm Non Hoa Sen 2 gửi báo cáo số liệu về các khoản thu chi học phí và thu khác quý 3/2024 theo các mẫu biểu đính kèm, như sau:

1. Báo cáo các khoản thu chi học phí, thu khác quý 3/2024
2. Hồ sơ gửi kèm: sổ phụ ngân hàng, đối chiếu tiền gửi kho bạc quý 3/2024, bảng cân đối quý 3/2024

Trường Mầm Non Hoa Sen 2 chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung báo cáo trên, kính gửi Phòng Tài chính Kế hoạch tổng hợp./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-Lưu VT,KT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN H. BÌNH CHÁNH T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

Hà Thị Tuyết Hồng Ba

MN Hoa Sen 2
Đơn vị: Phòng tài chính

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Độc lập - Tự do - Hạnh

BÁO CÁO CHI TIẾT THU PHÍ THEO TỪNG NỘI DUNG THU

Từ ngày 01/07/2024 - Đến ngày 30/09/2024

STT	Số SSCID	Ngày	Số phiếu thu	Số biên lai/Hóa đơn	Tổng Số Giao Dịch	Lớp	Kênh thanh toán	Ăn sáng	Ăn trưa, xế	Nước uống	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ MN trong hè: (Mức thu: 220.000đ/ tuần)	Số tiền
1	1279017324000422	01/07/2024	010724-0080	C24TAA - 1227	Hồ Thiên Trúc	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
2	1279017324000493	01/07/2024	010724-0075	C24TAA - 1222	Hà Tuệ Nghi	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
3	1279017324000447	01/07/2024	010724-0078	C24TAA - 1225	Lê Quang Trung Anh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
4	1279017324000472	01/07/2024	010724-0079	C24TAA - 1226	Nguyễn Ngọc Kim Xuân	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
5	1279017324000412	01/07/2024	010724-0077	C24TAA - 1224	Lê Hoàng Thiên	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
6	1279017324000487	01/07/2024	010724-0076	C24TAA - 1223	Nguyễn Phúc Đông Nghi	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
7	1279017324000423	02/07/2024	020724-0082	C24TAA - 1229	Nguyễn Trần Khánh Vy	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	170.000	544.000	20.000	1.100.000	1.834.000
8	1279017324000445	02/07/2024	020724-0085	C24TAA - 1232	Trần Ngọc Bảo Châu	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	200.000	640.000	20.000	1.100.000	1.960.000
9	1279017324000480	02/07/2024	020724-0083	C24TAA - 1230	Nguyễn Phúc Như	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
10	1279017324000462	02/07/2024	020724-0087	C24TAA - 1234	Nguyễn Trọng Anh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
11	1279017324000474	02/07/2024	020724-0088	C24TAA - 1235	Lý Thuận An	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
12	1279017324000476	02/07/2024	020724-0086	C24TAA - 1233	Nguyễn Ánh Thư	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	200.000	640.000	20.000	1.100.000	1.960.000
13	1279017324000397	02/07/2024	020724-0081	C24TAA - 1228	Nguyễn Tấn Sang	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
14	1279017324000399	02/07/2024	020724-0089	C24TAA - 1236	Dương Ngọc Minh Thư	Mầm 1 Hè 24	ZALOPAY	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
15	1279017324000405	02/07/2024	020724-0090	C24TAA - 1237	Hoàng Nhật Linh	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
16	1279017324000413	02/07/2024	020724-0084	C24TAA - 1231	Nguyễn Minh Anh	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
17	1279017324000428	03/07/2024	030724-0095	C24TAA - 1242	Lâm Võ Gia Hân	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
18	1279017324000431	03/07/2024	030724-0093	C24TAA - 1240	Trần Ngọc Gia Bảo	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	180.000	576.000	20.000	880.000	1.656.000
19	1279017324000444	03/07/2024	030724-0098	C24TAA - 1245	Võ Ngọc Anh Thư	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	200.000	640.000	20.000	1.100.000	1.960.000
20	1279017324000491	03/07/2024	030724-0091	C24TAA - 1238	Phạm Nguyễn Gia Huy	Chồi 1 Hè 24	ZALOPAY	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
21	1279017324000452	03/07/2024	030724-0099	C24TAA - 1246	Nguyễn Lê Minh Khôi	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
22	1279017324000390	03/07/2024	030724-0097	C24TAA - 1244	Panjard An Hà	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
23	1279017324000396	03/07/2024	030724-0096	C24TAA - 1243	Nguyễn Hồng Phát	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
24	1279017324000489	03/07/2024	030724-0092	C24TAA - 1239	Trần Ngọc Gia Hân	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
25	1279017324000495	03/07/2024	030724-0094	C24TAA - 1241	Nguyễn Bảo Ngọc	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
26	1279017324000416	04/07/2024	040724-0107	C24TAA - 1254	Ngô Phương Dung	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
27	1279017324000436	04/07/2024	040724-0104	C24TAA - 1251	Ngô Duy Khôi	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
28	1279017324000496	04/07/2024	040724-0101	C24TAA - 1248	Nguyễn Ngọc Diễm My	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
29	1279017324000448	04/07/2024	040724-0102	C24TAA - 1249	Lê Trần Gia Bảo	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000

30	1279017324000453	04/07/2024	040724-0109	C24TAA - 1256	Nguyễn Thùy Linh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
31	1279017324000461	04/07/2024	040724-0105	C24TAA - 1252	Diệp Tuấn Anh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
32	1279017324000468	04/07/2024	040724-0106	C24TAA - 1253	Phạm Ngọc An Nhiên	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
33	1279017324000470	04/07/2024	040724-0103	C24TAA - 1250	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
34	1279017324000402	04/07/2024	040724-0100	C24TAA - 1247	Mai Anh Tú	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	200.000	640.000	20.000	1.100.000	1.960.000
35	1279017324000407	04/07/2024	040724-0108	C24TAA - 1255	Nguyễn Dương Thuý Ngân	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
36	1279017324000440	05/07/2024	050724-0114	C24TAA - 1261	Bùi Đặng Trường Thịnh	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
37	1279017324000442	05/07/2024	050724-0113	C24TAA - 1260	Nguyễn Nam Thiên	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
38	1279017324000490	05/07/2024	050724-0111	C24TAA - 1258	Trần Lâm Ngọc Xuân	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
39	1279017324000454	05/07/2024	050724-0115	C24TAA - 1262	Nguyễn Quang Minh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	170.000	544.000	20.000	1.100.000	1.834.000
40	1279017324000464	05/07/2024	050724-0112	C24TAA - 1259	Đỗ Gia Huy	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	180.000	576.000	20.000	1.100.000	1.876.000
41	1279017324000466	05/07/2024	050724-0110	C24TAA - 1257	NGUYỄN HOÀNG GIA LINH	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
42	1279017324000415	07/07/2024	070724-0117	C24TAA - 1264	Lê Tuấn Anh	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	190.000	608.000	20.000	1.100.000	1.918.000
43	1279017324000455	07/07/2024	070724-0119	C24TAA - 1266	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
44	1279017324000471	07/07/2024	070724-0116	C24TAA - 1263	Võ Ngọc Tài	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
45	1279017324000404	07/07/2024	070724-0120	C24TAA - 1267	Nguyễn Ngọc Linh Đan	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
46	1279017324000409	07/07/2024	070724-0118	C24TAA - 1265	Nguyễn Đỗ Phúc Thịnh	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
47	1279017324000419	08/07/2024	080724-0121	C24TAA - 1268	Phan Ngọc An Nhiên	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
48	1279017324000401	08/07/2024	080724-0122	C24TAA - 1269	Huỳnh Trương Gia Bảo	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
49	1279017324000427	09/07/2024	090724-0126	C24TAA - 1273	Nguyễn Minh Tuấn Khang	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
50	1279017324000439	09/07/2024	090724-0127	C24TAA - 1274	Tạ Hoài Phong	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
51	1279017324000449	09/07/2024	090724-0128	C24TAA - 1275	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
52	1279017324000457	09/07/2024	090724-0125	C24TAA - 1272	Nguyễn Lê Trường Quang	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
53	1279017324000392	09/07/2024	090724-0124	C24TAA - 1271	Trần Trung Kiên	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
54	1279017324000408	09/07/2024	090724-0123	C24TAA - 1270	Nguyễn Trọng Anh Khoa	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
55	1279017324000418	10/07/2024	100724-0139	C24TAA - 1286	Huỳnh Lê Nhật Mai	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
56	1279017324000425	10/07/2024	100724-0133	C24TAA - 1280	Đoàn Đức Phúc	Chồi 1 Hè 24	ZALOPAY	200.000	640.000	20.000	1.100.000	1.960.000
57	1279017324000435	10/07/2024	100724-0131	C24TAA - 1278	Trần Đặng Ngọc Hân	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
58	1279017324000482	10/07/2024	100724-0137	C24TAA - 1284	Nguyễn Gia Bảo	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
59	1279017324000451	10/07/2024	100724-0138	C24TAA - 1285	Lê Quốc Khánh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
60	1279017324000458	10/07/2024	100724-0130	C24TAA - 1277	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
61	1279017324000465	10/07/2024	100724-0134	C24TAA - 1281	Nguyễn Trần Gia Khiêm	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
62	1279017324000467	10/07/2024	100724-0135	C24TAA - 1282	Lưu Thiện Nhân	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
63	1279017324000469	10/07/2024	100724-0132	C24TAA - 1279	Nguyễn Duy Phúc	Lá 1 Hè 24	ZALOPAY	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
64	1279017324000478	10/07/2024	100724-0129	C24TAA - 1276	Trần Khánh Thy	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
65	1279017324000395	10/07/2024	100724-0136	C24TAA - 1283	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
66	1279017324000481	11/07/2024	110724-0140	C24TAA - 1287	Huỳnh Khánh Duy	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	210.000	672.000	20.000	1.100.000	2.002.000
67	1279017324000461	11/07/2024	110724-0141	C24TAA - 1288	Diệp Tuấn Anh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
68	1279017324000411	11/07/2024	110724-0143	C24TAA - 1290	Trần Lê Minh Khang	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	200.000	640.000	20.000	1.100.000	1.960.000
69	1279017324000485	11/07/2024	110724-0144	C24TAA - 1291	Ngô Minh Phúc	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	180.000	576.000	20.000	1.100.000	1.876.000
70	1279017324000488	11/07/2024	110724-0142	C24TAA - 1289	Nguyễn Thanh Trúc	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
71	1279017324000443	12/07/2024	120724-0147	C24TAA - 1294	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	170.000	544.000	20.000	1.100.000	1.834.000

72	1279017324000494	12/07/2024	120724-0146	C24TAA - 1293	Hà Trọng Nhân	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
73	1279017324000393	12/07/2024	120724-0145	C24TAA - 1292	Hồng Bạch Tuyết Mai	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	220.000	704.000	20.000	1.100.000	2.044.000
74	1279017324000429	15/07/2024	150724-0148	C24TAA - 1295	Kiên Ngọc Thảo Nguyên	Chồi 1 Hè 24	ZALOPAY	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
75	1279017324000438	15/07/2024	150724-0149	C24TAA - 1296	Đặng Hoàng Bảo Như	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
76	1279017324000391	16/07/2024	160724-0150	C24TAA - 1297	Trần Ngọc Huyền	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	10.000	440.000	1.416.000
77	1279017324000450	17/07/2024	170724-0151	C24TAA - 1298	Ngô Kiều Dung	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	230.000	736.000	20.000	1.100.000	2.086.000
78	1279017324000437	18/07/2024	180724-0152	C24TAA - 1299	Nguy Thanh Mẫn	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	180.000	576.000	10.000	440.000	1.206.000
79	1279017324000426	21/07/2024	210724-0153	C24TAA - 1300	Bùi Vạn Hưng	Chồi 1 Hè 24	AGRIBANK	230.000	736.000	10.000	440.000	1.416.000
80	1279017324000497	22/07/2024	220724-0154	C24TAA - 1301	Mã Phúc Thịnh	Lá 1 Hè 24	AGRIBANK	230.000	736.000	10.000	440.000	1.416.000
81	1279017324000486	23/07/2024	230724-0155	C24TAA - 1302	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	170.000	544.000	20.000	1.100.000	1.834.000
82	1279017324000416	31/07/2024	310724-0157	C24TAA - 1304	Ngô Phương Dung	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000
83	1279017324000493	31/07/2024	310724-0156	C24TAA - 1303	Hà Tuệ Nghi	Chồi 1 Hè 24	MOMO	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000
84	1279017324000465	31/07/2024	310724-0158	C24TAA - 1305	Nguyễn Trần Gia Khiêm	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	50.000	160.000	10.000	440.000	660.000
85	1279017324000470	31/07/2024	310724-0161	C24TAA - 1308	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
86	1279017324000472	31/07/2024	310724-0162	C24TAA - 1309	Nguyễn Ngọc Kim Xuân	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000
87	1279017324000397	31/07/2024	310724-0160	C24TAA - 1307	Nguyễn Tấn Sang	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
88	1279017324000399	31/07/2024	310724-0164	C24TAA - 1311	Dương Ngọc Minh Thư	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
89	1279017324000404	31/07/2024	310724-0163	C24TAA - 1310	Nguyễn Ngọc Linh Đan	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
90	1279017324000409	31/07/2024	310724-0159	C24TAA - 1306	Nguyễn Đỗ Phúc Thịnh	Mầm 1 Hè 24	ZALOPAY	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
91	1279017324000417	01/08/2024	010824-0170	C24TAA - 1317	Phạm Đình Khôi	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
92	1279017324000422	01/08/2024	010824-0167	C24TAA - 1314	Hồ Thiên Trúc	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
93	1279017324000442	01/08/2024	010824-0172	C24TAA - 1319	Nguyễn Nam Thiên	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
94	1279017324000445	01/08/2024	010824-0174	C24TAA - 1321	Trần Ngọc Bảo Châu	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
95	1279017324000494	01/08/2024	010824-0166	C24TAA - 1313	Hà Trọng Nhân	Chồi 1 Hè 24	ZALOPAY	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
96	1279017324000447	01/08/2024	010824-0171	C24TAA - 1318	Lê Quang Trung Anh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
97	1279017324000476	01/08/2024	010824-0175	C24TAA - 1322	Nguyễn Ánh Thư	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
98	1279017324000498	01/08/2024	010824-0169	C24TAA - 1316	Đặng Quang Ngọc Mỹ	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
99	1279017324000390	01/08/2024	010824-0168	C24TAA - 1315	Panjard An Hà	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
100	1279017324000412	01/08/2024	010824-0165	C24TAA - 1312	Lê Hoàng Thiên	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	40.000	128.000	10.000	440.000	618.000
101	1279017324000413	01/08/2024	010824-0173	C24TAA - 1320	Nguyễn Minh Anh	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
102	1279017324000480	02/08/2024	020824-0179	C24TAA - 1326	Nguyễn Phúc Như	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
103	1279017324000481	02/08/2024	020824-0177	C24TAA - 1324	Huỳnh Khánh Duy	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000
104	1279017324000487	02/08/2024	020824-0178	C24TAA - 1325	Nguyễn Phúc Đông Nghi	Mầm 1 Hè 24	SACOMBANK	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
105	1279017324000489	02/08/2024	020824-0176	C24TAA - 1323	Trần Ngọc Gia Hân	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
106	1279017324000448	03/08/2024	030824-0180	C24TAA - 1327	Lê Trần Gia Bảo	Lá 1 Hè 24	AGRIBANK	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
107	1279017324000485	03/08/2024	030824-0181	C24TAA - 1328	Ngô Minh Phúc	Mầm 1 Hè 24	PAYOOQUAY	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
108	1279017324000444	04/08/2024	040824-0182	C24TAA - 1329	Võ Ngọc Anh Thư	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	0	0	10.000	440.000	450.000
109	1279017324000415	05/08/2024	050824-0183	C24TAA - 1330	Lê Tuấn Anh	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
110	1279017324000490	05/08/2024	050824-0188	C24TAA - 1335	Trần Lâm Ngọc Xuân	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
111	1279017324000449	05/08/2024	050824-0190	C24TAA - 1337	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
112	1279017324000454	05/08/2024	050824-0187	C24TAA - 1334	Nguyễn Quang Minh	Lá 1 Hè 24	AGRIBANK	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
113	1279017324000455	05/08/2024	050824-0193	C24TAA - 1340	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000

114	1279017324000457	05/08/2024	050824-0191	C24TAA - 1338	Nguyễn Lê Trường Quang	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
115	1279017324000466	05/08/2024	050824-0192	C24TAA - 1339	NGUYỄN HOÀNG GIA LINH	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
116	1279017324000471	05/08/2024	050824-0195	C24TAA - 1342	Võ Ngọc Tài	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
117	1279017324000474	05/08/2024	050824-0189	C24TAA - 1336	Lý Thuận An	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
118	1279017324000392	05/08/2024	050824-0186	C24TAA - 1333	Trần Trung Kiên	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	50.000	160.000	10.000	440.000	660.000
119	1279017324000395	05/08/2024	050824-0184	C24TAA - 1331	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	10.000	32.000	10.000	440.000	492.000
120	1279017324000405	05/08/2024	050824-0185	C24TAA - 1332	Hoàng Nhật Linh	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
121	1279017324000408	05/08/2024	050824-0194	C24TAA - 1341	Nguyễn Trọng Anh Khoa	Mầm 1 Hè 24	ZALOPAY	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
122	1279017324000418	06/08/2024	060824-0204	C24TAA - 1351	Huỳnh Lê Nhật Mai	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
123	1279017324000426	06/08/2024	060824-0200	C24TAA - 1347	Bùi Vạn Hưng	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	0	0	10.000	440.000	450.000
124	1279017324000428	06/08/2024	060824-0202	C24TAA - 1349	Lâm Võ Gia Hân	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
125	1279017324000436	06/08/2024	060824-0198	C24TAA - 1345	Ngô Duy Khôi	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
126	1279017324000453	06/08/2024	060824-0196	C24TAA - 1343	Nguyễn Thùy Linh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
127	1279017324000458	06/08/2024	060824-0197	C24TAA - 1344	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
128	1279017324000467	06/08/2024	060824-0201	C24TAA - 1348	Lưu Thiện Nhân	Lá 1 Hè 24	AGRIBANK	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
129	1279017324000497	06/08/2024	060824-0199	C24TAA - 1346	Mã Phúc Thịnh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	0	0	10.000	440.000	450.000
130	1279017324000396	06/08/2024	060824-0203	C24TAA - 1350	Nguyễn Hồng Phát	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
131	1279017324000439	07/08/2024	070824-0208	C24TAA - 1355	Tạ Hoài Phong	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
132	1279017324000440	07/08/2024	070824-0206	C24TAA - 1353	Bùi Đặng Trường Thịnh	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
133	1279017324000491	07/08/2024	070824-0207	C24TAA - 1354	Phạm Nguyễn Gia Huy	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
134	1279017324000496	07/08/2024	070824-0210	C24TAA - 1357	Nguyễn Ngọc Diễm My	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
135	1279017324000452	07/08/2024	070824-0211	C24TAA - 1358	Nguyễn Lê Minh Khôi	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
136	1279017324000469	07/08/2024	070824-0212	C24TAA - 1359	Nguyễn Duy Phúc	Lá 1 Hè 24	ZALOPAY	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
137	1279017324000478	07/08/2024	070824-0213	C24TAA - 1360	Trần Khánh Thy	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
138	1279017324000483	07/08/2024	070824-0214	C24TAA - 1361	Lương Hoang Khang	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000
139	1279017324000407	07/08/2024	070824-0205	C24TAA - 1352	Nguyễn Dương Thuý Ngân	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
140	1279017324000411	07/08/2024	070824-0209	C24TAA - 1356	Trần Lê Minh Khang	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	0	0	10.000	440.000	450.000
141	1279017324000419	08/08/2024	080824-0215	C24TAA - 1362	Phan Ngọc An Nhiên	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
142	1279017324000429	08/08/2024	080824-0219	C24TAA - 1366	Kiên Ngọc Thảo Nguyên	Chồi 1 Hè 24	PAYOOQUAY	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
143	1279017324000435	08/08/2024	080824-0218	C24TAA - 1365	Trần Đặng Ngọc Hân	Chồi 1 Hè 24	PAYOOQUAY	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
144	1279017324000443	08/08/2024	080824-0220	C24TAA - 1367	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000
145	1279017324000468	08/08/2024	080824-0216	C24TAA - 1363	Phạm Ngọc An Nhiên	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	0	0	10.000	440.000	450.000
146	1279017324000401	08/08/2024	080824-0217	C24TAA - 1364	Huỳnh Trương Gia Bảo	Mầm 1 Hè 24	SHOPEEPAY	20.000	64.000	10.000	440.000	534.000
147	1279017324000482	09/08/2024	090824-0223	C24TAA - 1370	Nguyễn Gia Bảo	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
148	1279017324000461	09/08/2024	090824-0222	C24TAA - 1369	Diệp Tuấn Anh	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
149	1279017324000393	09/08/2024	090824-0221	C24TAA - 1368	Hồng Bạch Tuyết Mai	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	70.000	224.000	10.000	440.000	744.000
150	1279017324000438	11/08/2024	110824-0224	C24TAA - 1371	Đặng Hoàng Bảo Như	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	30.000	96.000	10.000	440.000	576.000
151	1279017324000425	12/08/2024	120824-0226	C24TAA - 1373	Đoàn Đức Phúc	Chồi 1 Hè 24	MOMO	20.000	64.000	10.000	440.000	534.000
152	1279017324000391	12/08/2024	120824-0225	C24TAA - 1372	Trần Ngọc Huyền	Mầm 1 Hè 24	AGRIBANK	0	0	10.000	440.000	450.000
153	1279017324000402	12/08/2024	120824-0227	C24TAA - 1374	Mai Anh Tú	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
154	1279017324000437	13/08/2024	130824-0229	C24TAA - 1376	Nguy Thanh Mẫn	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	0	0	10.000	440.000	450.000
155	1279017324000488	13/08/2024	130824-0228	C24TAA - 1375	Nguyễn Thanh Trúc	Mầm 1 Hè 24	FINVIETQR	110.000	352.000	10.000	440.000	912.000

156	1279017324000423	15/08/2024	150824-0231	C24TAA - 1378	Nguyễn Trần Khánh Vy	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
157	1279017324000431	15/08/2024	150824-0230	C24TAA - 1377	Trần Ngọc Gia Bảo	Chồi 1 Hè 24	FINVIETQR	80.000	256.000	10.000	440.000	786.000
158	1279017324000464	15/08/2024	150824-0232	C24TAA - 1379	Đỗ Gia Huy	Lá 1 Hè 24	AGRIBANK	100.000	320.000	10.000	440.000	870.000
159	1279017324000486	26/08/2024	260824-0233	C24TAA - 1380	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Lá 1 Hè 24	FINVIETQR	90.000	288.000	10.000	440.000	828.000
Tổng cộng								**23.880.000**	**76.416.000**	**2.350.000**	**119.900.000**	**222.546.000**

Kế toán

Nguyễn Thị Kim Liên

Thủ quỹ

Võ Thị Hiền

Hiệu trưởng

TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

Hà Thị Tuyết Hồng Ba

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Chánh, ngày tháng 10 năm 2024

Biểu 01/BCThu

BÁO CÁO TỔNG HỢP TIỀN HỌC PHÍ THÁNG 7 NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 473/MNHS2 Ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Sen 2)

ĐVT: đồng

STT	Khối/Lớp	Sĩ số	Số HS Miễn/ Giảm	Số HS đã đóng đủ	Số HS còn nợ	Tiền theo kế hoạch	Tổng tiền miễn giảm theo kế hoạch	Đã thanh toán						Tiền còn lại chưa thu	Ghi chú
								Tiền mặt	SSC Offline	SSC Online	Thu hộ	Payoo	Tổng cộng		
	Khối Mầm	**23**	**0**	**23**	**0**	**46.468.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**46.468.000**	**0**	**46.468.000**	**0**	
1	Mầm 1	23		23	0	46.468.000					46.468.000		46.468.000	0	
	Khối Chồi	**30**	**0**	**30**	**0**	**59.172.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**59.172.000**	**0**	**59.172.000**	**0**	
1	Chồi 1	30		30	0	59.172.000					59.172.000		59.172.000	0	
	Khối Lá	**28**	**0**	**28**	**0**	**55.304.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**55.304.000**	**0**	**55.304.000**	**0**	
1	Lá 1	28		28	0	55.304.000					55.304.000		55.304.000	0	
	Tổng cộng	**81**	**0**	**81**	**0**	**160.944.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**160.944.000**	**0**	**160.944.000**	**0**	

Theo kế hoạch	**160.944.000**	**VNĐ**
Miễn giảm	**-**	**VNĐ**
Đã thu	**-**	**VNĐ**
Còn lại	**160.944.000**	**VNĐ**

...

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Võ Thị Hiền

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Liên

Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN H. BÌNH CHÁNH TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Nơi nhận:
- PTCKH;
- Lưu: VT, 1b.

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Chánh, ngày tháng 10 năm 2024

Biểu 01/BCThu

BÁO CÁO TỔNG HỢP TIỀN HỌC PHÍ THÁNG 8 NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 473/MNHS2 Ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Sen 2)

ĐVT: đồng

STT	Khối/Lớp	Sĩ số	Số HS Miễn/ Giảm	Số HS đã đóng đủ	Số HS còn nợ	Tiền theo kế hoạch	Tổng tiền miễn giảm theo kế hoạch	Đã thanh toán						Tiền còn lại chưa thu	Ghi chú
								Tiền mặt	SSC Offline	SSC Online	Thu hộ	Payoo	Tổng cộng		
	Khối Mầm	**22**	**0**	**22**	**0**	**16.956.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**16.956.000**	**0**	**16.956.000**	**0**	
1	Mầm 1	22		22	0	16.956.000					16.956.000		16.956.000	0	
	Khối Chồi	**30**	**0**	**30**	**0**	**23.202.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**23.202.000**	**0**	**23.202.000**	**0**	
1	Chồi 1	30		30	0	23.202.000					23.202.000		23.202.000	0	
	Khối Lá	**26**	**0**	**26**	**0**	**21.444.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**21.444.000**	**0**	**21.444.000**	**0**	
1	Lá 1	26		26	0	21.444.000					21.444.000		21.444.000	0	
	Tổng cộng	**78**	**0**	**78**	**0**	**61.602.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**61.602.000**	**0**	**61.602.000**	**0**	

Theo kế hoạch	**61.602.000**	**VNĐ**
Miễn giảm	**-**	**VNĐ**
Đã thu	**-**	**VNĐ**
Còn lại	**61.602.000**	**VNĐ**

...

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Võ Thị Hiền

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Liên

Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Nơi nhận:
- PTCKH;
- Lưu: VT, 1b.

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỐNG KÊ THANH TOÁN PHÍ THEO NỘI DUNG QUÝ 3 NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 473/MNHS2 Ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Sen 2)

ĐVT: đồng

STT	Mã Phí	Tên Phí	Số tiền đã thu	Trong đó								
				Tiền mặt	Thu hộ	Trong đó						
						AGRIBANK	FINVIETQR	MOMO	PAYOOQUAY	SHOPEEPAY	SACOMBANK	ZALOPAY
1	*2*	*3*	*4 = 5+6*	*5*	*6 =7+... +13*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	TG07	Ăn sáng	23.880.000		**23.880.000**	850.000	21.040.000	90.000	290.000	20.000	110.000	1.480.000
2	TG08	Ăn trưa	76.416.000		**76.416.000**	2.720.000	67.328.000	288.000	928.000	64.000	352.000	4.736.000
3	TG09	Nước uống	2.350.000		**2.350.000**	70.000	2.070.000	20.000	30.000	10.000	10.000	140.000
4	TG43	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ MN trong hè	119.900.000		**119.900.000**	3.080.000	106.480.000	880.000	1.320.000	440.000	440.000	7.260.000
Tổng cộng			**222.546.000**		**222.546.000**	**203.638.000**	**198.196.000**	**3.846.000**	**3.102.000**	**1.446.000**	**14.528.000**	**13.616.000**

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Liên

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Võ Thị Hiền

Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Thị Tuyết Hồng

Nơi nhận:
- PTCKH;
- UBNDH;
- Lưu: VT, 1b.

TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

Biểu 02/Thu-chi

BÁO CÁO CÁC KHOẢN THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC QUÝ 3 NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số..473/MNHS2 Ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Trường Mầm non Hoa Sen 2)

Stt	Nội dung	Thực hiện quý									Lũy kế năm			
		THU			CHI	TỒN					THU			CHI
		Tổng thu	Trong đó		Tổng chi	Tổng tồn	Trong đó				Tổng thu	Trong đó		
			Quỹ trước chuyển sang	Thu trong quý			Tồn tại KB	Tồn tại ngân hàng	Tồn tiền mặt thu chưa nộp	Tồn tiền mặt rút về chưa chi		Năm trước chuyển sang	Thu trong năm	
1	0 1	2=2a+2b	2a	2b	3	4= 2-3 =4a+4b+4c+4d	4a	4b	4c	4d	5= 5a +5b	5a	5b	6
A	**HĐSXKD**	**483.472.493**	**363.572.493**	**119.900.000**	**318.483.074**	**164.989.419**	**83.377.400**	**81.612.019**	-	-	**1.127.760.000**	-	**1.127.760.000**	**981.347.081**
I	**Thu học phí**	83.377.400	83.377.400			83.377.400	83.377.400				117.400.000		117.400.000	34.022.600
II	**Thu theo thỏa thuận**	**400.095.093**	**280.195.093**	**119.900.000**	**318.483.074**	**81.612.019**	-	**81.612.019**	-	-	**1.010.360.000**	-	**1.010.360.000**	**947.324.481**
1	Anh văn	72.134.000	72.134.000		58.882.448	13.251.552		13.251.552			72.480.000	-	72.480.000	61.048.748
2	Nhịp điệu	20.228.900	20.228.900		15.620.000	4.608.900		4.608.900			61.205.000	-	61.205.000	58.104.500
3	Vẽ	61.844.000	61.844.000		47.249.400	14.594.600		14.594.600			61.855.000	-	61.855.000	48.747.600
4	Tổ chức phục vụ, quản lý vệ sinh bán trú	52.998.200	52.998.200		37.041.744	15.956.456		15.956.456			379.735.000	-	379.735.000	369.810.744
5	Thiết bị bán trú	542.000	542.000		-	542.000		542.000			26.180.000	-	26.180.000	25.638.000
6	Tiền công PV sáng	19.077.248	19.077.248		15.000.000	4.077.248		4.077.248			103.850.000	-	103.850.000	104.004.352
7	Tiền công trả cho NVND hợp đồng.	7.067.265	7.067.265		1.804.448	5.262.817		5.262.817			82.870.000	-	82.870.000	80.320.983
8	Kỹ năng sống	14.623.480	14.623.480		4.088.920	10.534.560		10.534.560			70.605.000	-	70.605.000	60.853.440
9	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ MN trong hè	151.580.000	31.680.000	119.900.000	138.796.114	12.783.886		12.783.886			151.580.000	-	151.580.000	138.796.114
B	**HĐTC**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-		-
1	Lãi không kỳ hạn	-				-								
C	**Thu hộ - chi hộ**	**151.955.577**	**45.439.577**	**106.516.000**	**129.322.732**	**22.632.845**	-	**22.632.845**	-	-	**982.608.967**	**46.852.967**	**952.429.000**	**976.521.922**
1	Tiền ăn sáng	38.748.560	13.968.560	24.780.000	29.879.830	8.868.730		8.868.730			233.354.510	10.934.510	222.420.000	224.485.780
2	Tiền ăn trưa	107.940.886	28.644.886	79.296.000	96.312.902	11.627.984		11.627.984			718.347.646	17.788.646	700.559.000	706.719.662
3	Nước uống	3.675.815	1.235.815	2.440.000	3.130.000	545.815		545.815			26.640.315	640.315	26.000.000	26.094.500
4	Học phẩm	364.046	364.046	-		364.046		364.046			3.486.046	2.166.046	1.320.000	3.122.000
5	Bảo hiểm tai nạn	647.000	647.000	-		647.000		647.000			647.000	647.000	-	-
6	Sữa học đường	114.950	114.950			114.950		114.950			114.950	114.950	-	-
7	Khuyến học	18.500	18.500			18.500		18.500			18.500	18.500	-	-
8	Học cụ- học liệu	573.020	573.020	-		573.020		573.020				14.543.000	2.130.000	16.099.980
9	Khám sức khỏe ban đầu	(127.200)	(127.200)			(127.200)		(127.200)				-	-	-
D	**CÁC QUỸ**	**162.968.758**	**147.968.758**	**15.000.000**	**2.700.000**	**160.268.758**	**144.117.082**	**1.851.676**	-	-	**356.811.478**	**92.582.058**	**264.229.420**	**196.542.720**

1	QUỸ PL	47.362.816	47.362.816			47.362.816	47.362.816	-	-	-	150.517.536	17.517.536	133.000.000	103.154.720
2	QUỸ KT	16.815.551	1.815.551	15.000.000		16.815.551	1.815.551	-	-	-	16.815.551	1.815.551	15.000.000	-
3	QUỸ TTN	17.829.357	17.829.357			17.829.357	17.829.357				91.317.357	410.605	90.906.752	73.488.000
4	QŨY PTHĐSN	80.961.034	80.961.034	-	2.700.000	78.261.034	77.109.358	1.851.676			98.161.034	72.838.366	25.322.668	19.900.000
E	**NGUỒN CCL**	**236.186.507**	**236.186.507**	-	-	**236.186.507**	-	**236.186.507**	-	-	**236.186.507**	**236.186.507**	-	-
1	CCTL Thu học phí	223.611.843	223.611.843	-		223.611.843		223.611.843			223.611.843	223.611.843	-	
2	CCTL Thu thỏa thuận	12.574.664	12.574.664	-		12.574.664		12.574.664			12.574.664	12.574.664		-
F	**CÁC TÀI KHOẢN KHÁC**	**3.948.297**	**3.948.297**	-	**3.750.000**	**198.297**	-	**198.297**	-	-	**64.669.097**	**32.433.697**	-	**32.235.400**
1	Thuế TNDN	198.297	198.297	-	-	198.297		198.297			57.169.097	28.683.697	-	28.485.400
2	Thu khác	3.750.000	3.750.000	-	3.750.000	-	-				7.500.000	3.750.000		**3.750.000**

Kế toán
(Ký , họ tên)

Nguyễn Thị Kim Liên

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN H. BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN 2

Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Đơn vị báo cáo: Trường Mầm non Hoa Sen 2
Mã QHNS: 1125949

Mẫu số S05-H
(Ban hành kèm theo Thông tư sô 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/ 2017 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Quý 3 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	I - TÀI KHOẢN TRONG BẢNG								
111	Tiền mặt	(200.000)				5.360.000	5.160.000		
1111	Tiền Việt Nam	(200.000)				5.360.000	5.160.000		
112	Tiền gửi ngân hàng	801.752.003				1.322.559.494	1.515.592.309	608.719.188	
1121	Tiền Việt Nam	801.752.003				1.322.559.494	1.515.592.309	608.719.188	
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang	119.969.500						119.969.500	
211	Tài sản cố định hữu hình	47.411.866.498						47.411.866.498	
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	45.241.467.771						45.241.467.771	
21111	*Nhà cửa*	*45.241.467.771*						*45.241.467.771*	
2113	Máy móc thiết bị	2.146.226.000						2.146.226.000	
2118	TSCĐ hữu hình khác	24.172.727						24.172.727	
213	TSCĐ vô hình	3.691.800.000						3.691.800.000	
2131	Quyền sử dụng đất	3.691.800.000						3.691.800.000	

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
214	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ		14.584.303.212						14.584.303.212
2141	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình		14.584.303.212						14.584.303.212
21411	*KH và HM lũy kế nhà cửa, vật kiến trúc*		*12.641.760.096*						*12.641.760.096*
21413	*KH và HM lũy kế máy móc thiết bị*		*1.086.106.835*						*1.086.106.835*
21418	*KH và HM lũy kế TSCĐ hữu hình khác*		*856.436.281*						*856.436.281*
332	Các khoản phải nộp theo lương					149.080.429	149.080.429		
3321	Bảo hiểm xã hội					111.810.316	111.810.316		
3322	Bảo hiểm y tế					19.731.236	19.731.236		
3323	Kinh phí công đoàn					8.769.438	8.769.438		
3324	Bảo hiểm thất nghiệp					8.769.439	8.769.439		
333	Các khoản phải nộp nhà nước		198.297						198.297
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp		198.297						198.297
334	Phải trả người lao động		324.072			1.121.126.220	1.146.468.654		25.666.506
3341	Phải trả công chức, viên chức		324.072			1.121.126.220	1.146.468.654		25.666.506
338	Phải trả khác		45.439.577			129.322.732	106.516.000		22.632.845
3381	Các khoản thu hộ, chi hộ		45.439.577			129.322.732	106.516.000		22.632.845
366	Các khoản nhận trước chi ghi thu		36.519.363.286						36.519.363.286
3661	NSNN cấp		36.519.363.286						36.519.363.286
36611	*Giá trị còn lại của TSCĐ*		*36.519.363.286*						*36.519.363.286*
421	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	50.000.000				15.000.000		65.000.000	
4211	Thặng dư (thâm hụt) từ hoạt động hành chính, sự nghiệp	50.000.000				15.000.000		65.000.000	

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
431	Các quỹ		147.968.757			2.000.000	15.000.000		160.968.757
4311	Quỹ khen thưởng		1.815.551				15.000.000		16.815.551
43118	*Khác*		*1.815.551*				*15.000.000*		*16.815.551*
4312	Quỹ phúc lợi		47.362.816						47.362.816
43121	*Quỹ phúc lợi*		*47.362.816*						*47.362.816*
4313	Quỹ bổ sung thu nhập		17.829.356						17.829.356
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		80.961.034			2.000.000			78.961.034
43141	*Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp*		*80.961.034*			*2.000.000*			*78.961.034*
468	Nguồn cải cách tiền lương		236.186.507						236.186.507
511	Thu hoạt động do NSNN cấp		2.239.586.127				1.318.460.767		3.558.046.894
5111	Thường xuyên		1.683.102.192				1.096.007.639		2.779.109.831
5112	Không thường xuyên		556.483.935				222.453.128		778.937.063
515	Doanh thu tài chính		436.299				102.599		538.898
531	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ		1.004.120.000			440.000	123.640.000		1.127.320.000
611	Chi hoạt động	2.189.586.126				1.303.126.809		3.492.712.935	
6111	Chi thường xuyên	1.633.102.191				1.080.673.681		2.713.775.872	
61111	*Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên*	*1.419.051.863*				*982.750.849*		*2.401.802.712*	
61112	*Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng*	*214.050.328*				*97.922.832*		*311.973.160*	
6112	Không thường xuyên	556.483.935				222.453.128		778.937.063	
61121	*Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên*	*556.283.935*				*217.293.128*		*773.577.063*	
61128	*Chi phí hoạt động khác*	*200.000*				*5.160.000*		*5.360.000*	

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Điều chỉnh số dư đầu năm		Phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
615	Chi phí tài chính	264.000				132.000		396.000	
632	Giá vốn hàng bán	319.388.531				162.109.392		481.497.923	
6321	Giá vốn hàng bán	319.388.531				162.109.392		481.497.923	
642	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	193.499.476				169.763.682		363.263.158	
6421	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	73.334.596				97.215.114		170.549.710	
6422	Chi phí vật tư và công cụ đã sử dụng	110.951.420				71.721.568		182.672.988	
6428	Chi phí hoạt động khác	9.213.460				827.000		10.040.460	
	Cộng	**54.777.926.134**	**54.777.926.134**			**4.380.020.758**	**4.380.020.758**	**56.235.225.202**	**56.235.225.202**
	II-TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG								
008	Dự toán chi hoạt động	3.326.768.147					1.318.460.767	2.008.307.380	
0082	Năm nay	3.326.768.147					1.318.460.767	2.008.307.380	
00821	*Dự toán chi thường xuyên*	*2.818.268.082*					*1.096.007.639*	*1.722.260.443*	
008212	*Thực chi*	*2.818.268.082*					*1.096.007.639*	*1.722.260.443*	
00822	*Dự toán chi không thường xuyên*	*508.500.065*					*222.453.128*	*286.046.937*	
008222	*Thực chi*	*508.500.065*					*222.453.128*	*286.046.937*	
	Cộng	**3.326.768.147**					**1.318.460.767**	**2.008.307.380**	

Ngày 14 tháng 10 năm 2024

Người lập sổ	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ và tên)	*(Ký, họ và tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Thị Kim Liên	Nguyễn Thị Kim Liên	Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Ngày ký: 07/10/2024 14:01:11
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 9 Năm 2024

Tên đơn vị:Trường Mầm non Hoa Sen 2 Mã ĐVQHNS: 1125949

Địa chỉ: d6/19a ấp 4, xã lê minh xuân, huyện bình chánh, tp.hcm Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3713.0.1125949.00000				
Số dư đầu kỳ	1.000.000			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	1.000.000			
Tài khoản: 3713.0.1125949.94005				
Số dư đầu kỳ	16.815.551			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	16.815.551			
Tài khoản: 3713.0.1125949.94001				
Số dư đầu kỳ	77.109.358			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	77.109.358			
Tài khoản: 3713.0.1125949.94006				
Số dư đầu kỳ	47.362.816			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	47.362.816			
Tài khoản: 3713.0.1125949.94007				
Số dư đầu kỳ	17.829.357			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	17.829.357			
Tài khoản: 3716.3.1125949.00000				
Số dư đầu kỳ	317.055.906			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	317.055.906			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Trần Thị Mai Linh

Kế toán trưởng

Người ký: Huỳnh Vũ Phương Thảo
Ngày ký: 07/10/2024 14:01:17
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Vũ Phương Thảo

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Kim Liên
Ngày ký: 03/10/2024 09:52:51
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Nguyễn Thị Kim Liên

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Tuyết Hồng Ba
Ngày ký: 04/10/2024 16:54:07
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Mã ĐVQHNS: 1125949

Mã cấp NS: 3

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	1.064.984.000	0	1.064.984.000	1.064.984.000	222.453.128	778.937.063	0	0	0	286.046.937
13	071	00000	0	2.443.063.000	596.005.310	3.039.068.310	3.039.068.310	955.014.523	2.102.525.178	0	0	0	936.543.132
14	071	00000	259.125.274	1.799.182.000	-596.005.310	1.203.176.690	1.462.301.964	140.993.115	676.584.652	0	0	0	785.717.312
Cộng:			259.125.274	5.307.229.000	0	5.307.229.000	5.566.354.274	1.318.460.766	3.558.046.893	0	0	0	2.008.307.381
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 10 năm 2024

Kế toán | **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Mai Linh

Người ký: Huỳnh Vũ Phương Thảo
Ngày ký: 07/10/2024 14:00:46
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng | **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kim Liên
Ngày ký: 03/10/2024 09:55:00
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Người ký: Hà Thị Tuyết Hồng Ba
Ngày ký: 04/10/2024 16:54:20
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Mã ĐVQHNS: 1125949

Mã cấp NS: 3

Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	12	071	6105	00000	0	0	0	104.187.931	0	104.187.931
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	113.113.128	295.759.132	113.113.128	295.759.132
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	104.180.000	373.630.000	104.180.000	373.630.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	5.160.000	5.360.000	5.160.000	5.360.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	498.358.107	997.031.311	498.358.107	997.031.311
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	39.254.258	39.254.258	39.254.258	39.254.258
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	10.656.000	21.384.000	10.656.000	21.384.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	163.077.908	325.785.910	163.077.908	325.785.910
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	888.000	1.782.000	888.000	1.782.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	39.365.590	76.165.456	39.365.590	76.165.456
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	96.619.424	192.204.612	96.619.424	192.204.612
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	16.563.329	32.949.362	16.563.329	32.949.362
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	11.042.222	21.966.245	11.042.222	21.966.245
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	5.521.111	10.983.122	5.521.111	10.983.122
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	0	37.800.000	0	37.800.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	2.030.769	22.346.610	2.030.769	22.346.610

Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	3.998.280	17.716.218	3.998.280	17.716.218
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	0	2.528.000	0	2.528.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	0	2.585.000	0	2.585.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	0	9.900.000	0	9.900.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	0	8.700.000	0	8.700.000
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	960.000	3.793.549	960.000	3.793.549
Khoán công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	0	7.500.000	0	7.500.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	23.808.600	142.851.600	23.808.600	142.851.600
Nhà cửa	13	071	6907	00000	0	0	25.999.000	25.999.000	25.999.000	25.999.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	071	6913	00000	0	0	0	1.859.000	0	1.859.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	071	6921	00000	0	0	0	8.424.000	0	8.424.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	0	13.770.000	0	13.770.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	1.871.925	12.245.925	1.871.925	12.245.925
Chi lập Quỹ phúc lợi	13	071	7952	00000	0	0	0	50.000.000	0	50.000.000
Chi lập Quỹ khen thưởng	13	071	7953	00000	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Lương theo ngạch, bậc	14	071	6001	00000	0	0	-103.750.803	0	-103.750.803	0
Phụ cấp chức vụ	14	071	6101	00000	0	0	-2.232.000	0	-2.232.000	0
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	071	6112	00000	0	0	-33.851.996	0	-33.851.996	0
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	071	6113	00000	0	0	-186.000	0	-186.000	0
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	071	6115	00000	0	0	-7.656.348	0	-7.656.348	0
Bảo hiểm xã hội	14	071	6301	00000	0	0	-19.886.851	0	-19.886.851	0
Bảo hiểm y tế	14	071	6302	00000	0	0	-3.409.174	0	-3.409.174	0
Kinh phí công đoàn	14	071	6303	00000	0	0	-2.272.784	0	-2.272.784	0
Bảo hiểm thất nghiệp	14	071	6304	00000	0	0	-1.136.392	0	-1.136.392	0
Chi khác	14	071	6449	00000	0	0	315.375.463	676.584.652	315.375.463	676.584.652
				Cộng:	0	0	1.318.460.766	3.558.046.893	1.318.460.766	3.558.046.893
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Kế toán **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Mai Linh

Người ký: Huỳnh Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 10/10/2024 08:59:09
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Thị Thanh Hiền

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 9 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kim Liên
Ngày ký: 08/10/2024 15:51:26
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Người ký: Hà Thị Tuyết Hồng Ba
Ngày ký: 09/10/2024 10:11:33
Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen 2

Nguyễn Thị Kim Liên Hà Thị Tuyết Hồng Ba

Chi nhánh: **NHNoPTNT VN - Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: 322 Bùi Thanh Khiết, Khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh
Điện thoại/Fax: 08.37602501/08.37602500

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mang phồn tịnh đến khách hàng

SỔ PHỤ / STATEMENT

Tên khách hàng / Customer name : Trường Mầm Non Hoa Sen 2

Địa chỉ / Address : ấp 4, Lê Minh Xuân, Bình Chánh, HCM PGD BBC

Ngày in / Print out date : 01/10/2024 **Loại tiền** / Ccy : VND

Loại tiền gửi / DP kind : TG KKH TCKT **Tài khoản đồng sở hữu** / Joint A/C : No

Số tài khoản / A/C No : 6440201021211 **Tình trạng tài khoản** / A/C status : Active

Ngày phát sinh trước / Prior Statement :	30/08/2024	466,100	**Doanh số nợ tháng** / Monthly less debit :		254,115,101
Số dư cuối ngày / Ending balance :	30/09/2024	26,120,791	**Doanh số có tháng** / Monthly plus credit:		279,769,792
Số bút toán/Doanh số nợ / Less debit :	24	254,115,101	**Doanh số nợ năm** / Annual less debit :		3,192,630,567
Số bút toán/Doanh số có / Plus credit :	6	279,769,792	**Doanh số có năm** / Annual plus credit :		3,218,120,858

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
06/09/2024	SPKB:FT[021183379]Truong Mam non Hoa Sen 2Thanh toan cho so chung tu: 240905_1125949_0126002		81,114,376	81,580,476	21183379
06/09/2024	SPKB:FT[021183442]Truong Mam non Hoa Sen 2Thanh toan cho so chung tu: 240905_1125949_0126001		172,978,725	254,559,201	21183442
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215009260 : Luong T9.2024	19,087,641		235,471,560	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215038217 : Luong T9.2024	21,621,574		213,849,986	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205043970 : Luong T9.2024	15,668,616		198,181,370	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205148884 : Luong T9.2024	14,560,316		183,621,054	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215066258 : Luong T9.2024	10,929,966		172,691,088	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215066264 : Luong T9.2024	10,929,966		161,761,122	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215074030 : Luong T9.2024	10,929,966		150,831,156	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215070124 : Luong T9.2024	9,489,514		141,341,642	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215078517 : Luong T9.2024	12,828,657		128,512,985	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215066308 : Luong T9.2024	9,593,130		118,919,855	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205480594 : Luong T9.2024	9,593,130		109,326,725	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215078060 : Luong T9.2024	10,677,603		98,649,122	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215044016 : Luong T9.2024	9,593,130		89,055,992	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215066337 : Luong T9.2024	9,593,130		79,462,862	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205534570 : Luong T9.2024	10,980,439		68,482,423	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215066270 : Luong T9.2024	9,593,130		58,889,293	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215068536 : Luong T9.2024	7,287,778		51,601,515	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205672017 : Luong T9.2024	9,900,992		41,700,523	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205674245 : Luong T9.2024	11,231,130		30,469,393	

Chi nhánh: **NHNoPTNT VN - Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: 322 Bùi Thanh Khiết, Khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh
Điện thoại/Fax: 08.37602501/08.37602500

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mang phồn tịnh đến khách hàng

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440215066314 : Luong T9.2024	8,218,397		22,250,996	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205414003 : Luong T9.2024	11,231,130		11,019,866	
06/09/2024	C/C Transfer TO: #6440205857991 : Luong T9.2024	10,481,166		538,700	
06/09/2024	Phí đồ lương,ST:3.300d/người*22	72,600		466,100	
13/09/2024	Thu phí phí QLTK tháng 09 năm 2024	22,000		444,100	
27/09/2024	SPKB:FT[028926601]Truong Mam non Hoa Sen 2Thanh toan cho so chung tu: 240926_1125949_0126004		2,480,000	2,924,100	28926601
30/09/2024	SPKB:FT[029966773]Truong Mam non Hoa Sen 2Thanh toan cho so chung tu: 240927_1125949_0126005		20,349,832	23,273,932	29966773
30/09/2024	SPKB:FT[029972277]Truong Mam non Hoa Sen 2Thanh toan cho so chung tu: 240927_1125949_0126006		2,846,559	26,120,491	29972277
30/09/2024	Lãi tiền gửi		300	26,120,791	

Chi nhánh: **NHNoPTNT VN - Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: 622 Bùi Thanh Khiết, Khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh
Điện thoại/Fax: 08.37602501/08.37602500

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mang phồn thịnh đến khách hàng

SỔ PHỤ / STATEMENT

Tên khách hàng / Customer name : Trường Mầm Non Hoa Sen 2

Địa chỉ / Address : ấp 4, Lê Minh Xuân, Bình Chánh, HCM PGD BBC

Ngày in / Print out date : 01/10/2024 **Loại tiền** / Ccy : VND

Loại tiền gửi / DP kind : TG KKH TCKT **Tài khoản đồng sở hữu** / Joint A/C : No

Số tài khoản / A/C No : 6440201021132 **Tình trạng tài khoản** / A/C status : Active

Ngày phát sinh trước / Prior Statement :	31/08/2024	121,560,787	**Doanh số nợ tháng** / Monthly less debit :		15,153,678
Số dư cuối ngày / Ending balance :	30/09/2024	106,425,409	**Doanh số có tháng** / Monthly plus credit:		18,300
Số bút toán/Doanh số nợ / Less debit :	14	15,153,678	**Doanh số nợ năm** / Annual less debit :		2,139,020,489
Số bút toán/Doanh số có / Plus credit :	1	18,300	**Doanh số có năm** / Annual plus credit :		2,100,696,000

Ngày Date	Ghi chú Remark	Nợ Dr	Có Cr	Số dư Balance	Số tham chiếu Ref. no
06/09/2024	SPBH:FT[031789541]Truong Mam non Hoa Sen 2 Thanh toan BHXH, BHYT, BHTN T9/2024 cho HD 111 SP0133P	5,094,912		116,465,875	31789541
06/09/2024	Truong Mam Non Hoa Sen 2 thanh toan phi dang tai du lieu ngay 06/09/2024 ve thong bao ket qua lua chon cac cty hop tac cung cap thuc pham NH 24 25	486,000		115,979,875	API001883746
06/09/2024	Truong Mam Non Hoa Sen 2 thanh toan phi dang tai du lieu ngay 06/09/2024 ve thong bao ket qua lua chon cac cty hop tac cung cap thuc pham NH 24 25	11,000		115,968,875	001883746
06/09/2024	Trường Mầm Non Hoa Sen 2 thanh toán tiền điện theo giấy báo ngày 06/09/2024 Mã KH PE15000310789	3,208,086		112,760,789	
06/09/2024	Trường MN HOa Sen 2 chuyển 2% KPCĐ cho 3 HĐ 111 T9/2024	318,432		112,442,357	
11/09/2024	Phi duy tri DV SMS Banking Thang 09/2024	55,000		112,387,357	
11/09/2024	Phi duy tri DV SMS Banking Thang 09/2024 - TK: 6440201021211	55,000		112,332,357	
13/09/2024	Thu phí phí QLTK tháng 09 năm 2024	22,000		112,310,357	
19/09/2024	Trường mầm non Hoa Sen 2 chuyển KPCĐ 2% cho HĐ nhân viên nuôi dưỡng T9/2024	106,144		112,204,213	
19/09/2024	Truong Mam Non Hoa Sen 2 thanh toan tien thu gom rac T9/2024 HD 140 ngay 13/09/2024	988,000		111,216,213	API005930450
19/09/2024	Truong Mam Non Hoa Sen 2 thanh toan tien thu gom rac T9/2024 HD 140 ngay 13/09/2024	11,000		111,205,213	005930450
19/09/2024	Truong Mam Non Hoa Sen 2 thanh toan tien nuoc ky 9/2024 theo giay bao tien nuoc 13/09/2024 Ma KH 20087360007	3,088,800		108,116,413	API005936806
19/09/2024	Truong Mam Non Hoa Sen 2 thanh toan tien nuoc ky 9/2024 theo giay bao tien nuoc 13/09/2024 Ma KH 20087360007	11,000		108,105,413	005936806
19/09/2024	SPBH:FT[035994301]Truong Mam non Hoa Sen 2 thanh toan BHXH, BHYT, BHTN T9/2024 (HD NVND) SP0133P	1,698,304		106,407,109	35994301
30/09/2024	Lãi tiền gửi		18,300	106,425,409	